

**BẢN ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG VỀ CUNG CẤP
VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VPBANK ONLINE KHDN**

(Áp dụng kể từ ngày 01/07/2019)

Ngoại trừ trường hợp có thỏa thuận khác đi hoặc có thỏa thuận về việc áp dụng các điều khoản, điều kiện riêng về đăng ký sử dụng dịch vụ VPBank Online KHDN, Bản Điều kiện giao dịch chung này áp dụng cho tất cả các Khách hàng đã ký vào: (i) Đơn đăng ký kèm Hợp đồng sử dụng dịch vụ VPBank Online KHDN; (ii) Đơn đăng ký thay đổi sử dụng dịch vụ VPBank Online KHDN hoặc (iii) bất kỳ văn bản nào khác được giao kết giữa Khách hàng và VPBank về việc cung cấp và sử dụng dịch vụ VPBank Online KHDN (sau đây các tài liệu nêu tại mục (i), mục (ii) và mục (iii) này gọi tắt là “**Giấy đề nghị kèm Hợp đồng**”). Bản Điều kiện giao dịch chung này được coi là Phụ lục không tách rời của Giấy đề nghị kèm Hợp đồng đã ký giữa Khách hàng và VPBank.

Bằng việc ký và xác nhận trên Giấy đề nghị kèm Hợp đồng, VPBank và Khách hàng cam kết tuân thủ các điều khoản và điều kiện sau đây:

Điều 1. Giải Thích Từ Ngữ

1. **Dịch vụ VPBank Online KHDN/VPBank Online (“Dịch vụ”)**: Là Dịch vụ ngân hàng trực tuyến doanh nghiệp do VPBank cung cấp nhằm tạo sự thuận tiện cho Khách hàng trong việc thực hiện các giao dịch trên Tài khoản thanh toán đã đăng ký tại VPBank thông qua mạng Internet.
2. **VPBank/NH**: Là Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (bao gồm Hội sở, các chi nhánh, phòng giao dịch và các đơn vị kinh doanh khác của VPBank).
3. **Khách hàng/KH**: Là Khách hàng tổ chức có tư cách pháp nhân sử dụng Dịch vụ VPBank Online KHDN của VPBank theo Giấy đề nghị kèm Hợp đồng và Bản Điều kiện giao dịch chung này.
4. **Bản Điều kiện giao dịch chung**: Là bản Điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng Dịch vụ VPBank Online KHDN này. Bản Điều kiện giao dịch chung này bao gồm các điều khoản ổn định do VPBank công bố để áp dụng chung cho tất cả các Khách hàng đăng ký sử dụng Dịch vụ VPBank Online KHDN của VPBank. Nếu Khách hàng ký Giấy đề nghị kèm Hợp đồng, Khách hàng được coi như chấp nhận Bản Điều kiện giao dịch chung này.
5. **Hợp Đồng**: Là Hợp đồng sử dụng dịch vụ VPBank Online KHDN được tạo lập bởi (i) Giấy đề nghị kèm Hợp đồng đã được chấp thuận bởi VPBank; và (ii) Bản Điều kiện giao dịch chung được VPBank áp dụng trong từng thời kỳ. Hợp Đồng có hiệu lực kể từ ngày ký như ghi nhận tại Giấy đề nghị kèm Hợp đồng cho đến khi VPBank và Khách hàng thực hiện xong toàn bộ quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng.
6. **Hệ thống VPBank Online KHDN/Hệ thống/Hệ thống ngân hàng điện tử**: Là Hệ thống các phương tiện điện tử mà VPBank sử dụng để giao tiếp với Khách hàng, thông qua đó VPBank cung ứng các sản phẩm, Dịch vụ VPBank Online KHDN cho Khách hàng, cụ thể, Khách hàng có thể kết nối tới các trang web cung cấp Dịch vụ VPBank Online KHDN thông qua các Thiết bị điện tử.
7. **Thiết bị điện tử**: Là các thiết bị hoạt động dựa trên công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện tử hoặc công nghệ tương tự mà bằng việc sử dụng thiết bị này, Khách hàng có thể kết nối đến Hệ thống VPBank Online KHDN để sử dụng Dịch vụ VPBank Online KHDN do VPBank cung cấp. Thiết Bị Điện Tử có thể bao gồm (nhưng không giới hạn) máy tính cá nhân, điện thoại di động có tính năng kết nối internet với các hình thức kết nối khác nhau như ADSL, GPRS, 3G, Wifi...
8. **Lệnh giao dịch**: Là các chỉ thị/yêu cầu của Khách hàng được xác lập thông qua Hệ thống VPBank Online KHDN để yêu cầu VPBank cung cấp các Dịch vụ VPBank Online KHDN. Lệnh giao dịch có thể là lệnh chuyển tiền, lệnh thanh toán, lệnh thanh toán lương, lệnh truy vấn và các lệnh giao dịch khác được Khách hàng lập tương ứng với các gói dịch vụ mà Khách hàng đã đăng ký với VPBank.

9. **Chữ ký điện tử:** Là chữ ký được tạo lập dưới dạng từ, chữ, số, ký hiệu, âm thanh hoặc các hình thức khác bằng phương tiện điện tử, gắn liền hoặc kết hợp một cách lô gic với thông điệp dữ liệu có khả năng xác nhận người ký Chứng từ điện tử và xác nhận sự chấp thuận của người đó với nội dung thông điệp dữ liệu được ký.
10. **Chữ ký số (chữ ký số-Tocken CA):** Là một dạng chữ ký điện tử được tạo ra bằng sự biến đổi một thông điệp dữ liệu sử dụng hệ thống mật mã không đối xứng theo đó người có được thông điệp dữ liệu ban đầu và khoá công khai của người ký có thể xác định được chính xác việc biến đổi nêu trên được tạo ra bằng đúng khoá bí mật tương ứng với khoá công khai trong cùng một cặp khoá và sự toàn vẹn nội dung của thông điệp dữ liệu kể từ khi thực hiện việc biến đổi nêu trên. Chữ ký số gắn liền/kết hợp một cách hợp lý với Lệnh giao dịch có khả năng xác nhận người ký Lệnh giao dịch và xác nhận sự chấp thuận của người đó đối với Lệnh giao dịch được ký.
11. **VPBank Smart OTP:** Là phần mềm ứng dụng tạo ra Soft OTP được xây dựng và quản lý bởi VPBank, được cài đặt trên điện thoại di động/máy tính bảng.
12. **Phương thức xác thực giao dịch:** Là giải pháp công nghệ VPBank triển khai từng thời kỳ để xác thực giao dịch được thực hiện trên VPBank Online KHDN. Tùy theo điều kiện từng thời kỳ VPBank triển khai áp dụng phương thức xác thực giao dịch phù hợp nhằm đảm bảo tính bảo mật an toàn cho Khách hàng và tuân thủ quy định pháp luật. Trường hợp có thay đổi phương thức xác thực, VPBank sẽ thông báo thay đổi trên màn hình dịch vụ VPBank Online KHDN. Khách hàng được coi là đồng ý nếu Khách hàng tiếp tục sử dụng Dịch vụ VPBank Online KHDN sau thời điểm có thông báo thay đổi đó. VPBank cung cấp Phương thức xác thực giao dịch là OTP SMS; Soft OTP và các phương thức khác theo quy định của VPBank từng thời kỳ để xác thực Lệnh giao dịch của Khách hàng.
13. **OTP (“Mã khóa bí mật dùng một lần”):** Là mã khóa bí mật có giá trị sử dụng một lần và có hiệu lực trong một khoảng thời gian nhất định, thường được sử dụng như một yếu tố thứ 2 để xác thực người dùng truy cập ứng dụng/truy cập vào Hệ thống hoặc thực hiện giao dịch trên VPBank Online KHDN.
14. **OTP SMS:** Là mã khóa bí mật do Hệ thống ngân hàng điện tử của VPBank tự động gửi OTP qua tin nhắn SMS tới số điện thoại di động/email mà Khách hàng đã đăng ký với VPBank trước mỗi lần Khách hàng thực hiện duyệt giao dịch thanh toán trên VPBank Online KHDN. Cùng với việc Khách hàng sử dụng Tên truy cập, Mật khẩu giao dịch, OTP gắn kết gắn liền/kết hợp một cách hợp lý với Lệnh giao dịch có khả năng xác nhận người ký Lệnh giao dịch và xác nhận sự chấp thuận của người đó đối với Lệnh giao dịch được ký.
15. **Soft OTP:** Là mã khóa bí mật do Hệ thống ngân hàng điện tử của VPBank sinh ra thông qua ứng dụng VPBank Smart OTP trước mỗi lần Khách hàng thực hiện duyệt giao dịch thanh toán trên VPBank Online KHDN. Cùng với việc Khách hàng sử dụng Tên truy cập, Mật khẩu giao dịch, Soft OTP gắn liền/kết hợp với thông tin Lệnh giao dịch xác nhận người ký phê duyệt Lệnh giao dịch và xác nhận sự chấp thuận của người đó đối với Lệnh giao dịch được ký.
16. **Số điện thoại đăng ký ứng dụng Smart OTP/nhận OTP:** Là số điện thoại mà Khách hàng đăng ký với VPBank. Khách hàng không tiết lộ thông tin đăng ký cho người khác nhằm bảo mật thông tin cá nhân.
17. **Tài khoản thanh toán/Tài khoản (TKTT):** Là tất cả các tài khoản thanh toán bằng Việt Nam đồng hoặc ngoại tệ của Khách hàng mở tại VPBank đăng ký sử dụng Dịch vụ VPBank Online KHDN theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng.
18. **Tên truy cập:** Là tên do Khách hàng đăng ký cho Người sử dụng VPBank Online KHDN được VPBank chấp thuận, dùng để truy cập vào Hệ thống VPBank Online KHDN. Mỗi Người sử dụng VPBank Online KHDN của Khách hàng sẽ có một “Tên truy cập” duy nhất trong Hệ thống VPBank Online KHDN.
19. **Mật khẩu:** Là chuỗi các ký tự mà Người sử dụng Dịch vụ VPBank Online KHDN của Khách hàng phải nhập để Hệ thống VPBank Online KHDN xác thực khi đăng nhập vào hệ thống. Mỗi

